

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thụ lý số 125/2021/TLST - DS, ngày 13 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: 442 N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T– Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị Hồng T – Nhân viên xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 824/UQ – QLN.20 ngày 12/8/2020 của ông Đỗ Minh T ủy quyền cho bà Phạm Thị T và văn bản ủy quyền số 857/UQ-CNTL21 ngày 16/3/2021 bà T ủy quyền cho bà Lưu Thị Hồng T).

Bị đơn: Anh Đỗ Hồng Q, sinh năm 1979

Chị Phạm Thị H, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: P2716, CT10A, khu đô thị Đ, xã T, huyện T, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Bảo N – Sinh ngày 15/12/2006

Cháu Đỗ Hồng Q – Sinh ngày 26/4/2015

Cùng địa chỉ: P2716, CT10A, khu đô thị Đ, xã T, huyện T, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật của cháu N, cháu Q là chị Phạm Thị H (là mẹ đẻ của cháu N, cháu Q).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ngân hàng TMCP A và anh Đỗ Hồng Q, chị Phạm Thị H cùng xác nhận:

* Tính đến ngày 20/12/2021, anh Q, chị H còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền là: 420.554.579 đồng theo hợp đồng cấp tín dụng số LID.CN2082.160317 và khế ước nhận nợ số 01/STK 234223739 cùng ngày 16/3/2017, trong đó:

- Nợ gốc: 262.192.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 36.413.518 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 111.155.847 đồng.
- Phí phạt: 10.793.214 đồng.

* Kể từ ngày 21/12/2021 anh Q, chị H tiếp tục phải chịu lãi và các khoản phát sinh của số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày anh Q, chị H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

2. Anh Q, chị H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền 420.554.579 đồng và các khoản thanh toán phát sinh theo lộ trình thanh toán sau:

- Kể từ tháng 12 năm 2021, chậm nhất vào ngày 30 hàng tháng, anh Q, chị H có nghĩa vụ thanh toán cho ACB số tiền 20.000.000 đồng (được trừ vào nợ gốc);
- Chậm nhất ngày 30/5/2022, anh Q, chị H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ còn lại, tất toán khoản vay tại ACB theo hợp đồng cấp tín dụng số LID.CN2082.160317 và khế ước nhận nợ số 01/STK 234223739 cùng ngày 16/3/2017.

3. Trường hợp anh Q, chị H vi phạm bất kỳ lộ trình thanh toán nào, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên và phát mại tài sản đảm bảo là căn hộ chung cư số P2716, CT10A, khu đô thị Đ, xã T, huyện T, Hà Nội đã được Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 000658, số vào sổ cấp GCN: CS 00466 ngày 09/01/2017 mang tên anh Đỗ Hồng Q, chị Phạm Thị H theo hợp đồng thế chấp số LID.BĐCN.234.130317 số công chứng 000666.2017/HĐTC. Quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/3/2017 tại văn phòng công chứng T giữa Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh T với anh Đỗ Hồng Q, chị Phạm Thị H để thu hồi nợ.

4. Về án phí: Anh Đỗ Hồng Q, chị Phạm Thị H tự nguyện nộp cả

10.411.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP A số tiền 11.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2020/0062266 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài